

KIỂM SOÁT RỦI RO ĐỐI VỚI GIAO DỊCH ĐẢM BẢO BẰNG TÍN CHỈ CARBON THEO PHÁP LUẬT MỘT SỐ QUỐC GIA: KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

PHẠM LÊ TRÂM ANH

Khoa Luật Kinh tế, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

Faculty of Economic Law, Banking University of Ho Chi Minh City

Email: anhplt@hub.edu.vn

Ngày nhận bài: 11/8/2026

Ngày sửa bài: 26/8/2026

Ngày duyệt đăng bài: 10/9/2026

Tóm tắt:

Trong bối cảnh thị trường carbon đang phát triển, việc sử dụng tín chỉ carbon làm tài sản bảo đảm mở ra khả năng khai thác giá trị tài sản trong hoạt động tín dụng nhưng cũng đặt ra nhiều rủi ro pháp lý. Bài viết phân tích pháp luật và thực tiễn của Thụy Điển, Trung Quốc và Singapore về địa vị pháp lý, đăng ký, định giá và xử lý tín chỉ carbon. Trên cơ sở so sánh, bài viết đánh giá những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm kiểm soát rủi ro và tạo cơ sở sử dụng tín chỉ carbon trong hoạt động tín dụng.

Từ khoá: tín chỉ carbon, tài sản bảo đảm, giao dịch bảo đảm, pháp luật so sánh, Việt Nam

Risk control in secured transactions involving carbon credits under the laws of selected countries: Lessons for Vietnam

Abstract:

As carbon markets continue to develop, the use of carbon credits as collateral creates opportunities to unlock asset value in credit activities while also giving rise to significant legal risks. This study examines the laws and practices of Sweden, China, and Singapore concerning the legal status, registration, valuation, and enforcement of carbon credits used as collateral. Based on a comparative analysis, the study identifies the legal issues facing Vietnam and proposes measures to improve the legal framework for risk control and establish a sound basis for the use of carbon credits in credit transactions.

Keywords: carbon credits, collateral, secured transactions, comparative law, Vietnam

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp, tín chỉ carbon không chỉ góp phần giảm phát thải khí nhà kính mà còn có thể tạo ra giá trị kinh tế cho doanh nghiệp. Tại Việt Nam, pháp luật về giảm phát thải và phát triển thị trường carbon đang từng bước được hoàn thiện và Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị đã định hướng đa dạng hóa nguồn vốn và khai thác giá trị của các loại tài sản nhằm nâng cao khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp.

Từ đó, việc sử dụng tín chỉ carbon làm tài sản bảo đảm có thể mở ra một nguồn tài sản mới, giúp doanh nghiệp tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng. Tuy nhiên, việc này đặt ra nhiều vấn đề pháp lý như xác định địa vị pháp lý và quyền đối với tín chỉ carbon, đăng ký biện pháp bảo đảm, định giá, chuyển giao và xử lý tín chỉ carbon khi nghĩa vụ được bảo đảm không được thực hiện. Đồng thời, sự biến động giá và tính thanh khoản của tín chỉ carbon cũng có thể làm gia tăng rủi ro đối với các tổ chức tín dụng.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, tín chỉ carbon ngày càng có sự gắn kết với thị trường tài chính và tín dụng xanh. Vì vậy, nghiên cứu cơ chế kiểm soát rủi ro đối với giao dịch bảo đảm bằng tín chỉ carbon từ kinh nghiệm của một số quốc gia có ý nghĩa trong việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam và tạo cơ sở khai thác giá trị của tín chỉ carbon để hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu kết hợp giữa phân tích, so sánh và tổng hợp nhằm làm rõ các vấn đề pháp lý liên quan đến việc sử dụng tín chỉ carbon làm tài sản bảo đảm. Trước hết, phương pháp phân tích pháp luật được sử dụng để làm rõ địa vị pháp lý của tín chỉ carbon, điều kiện sử dụng tín chỉ carbon làm tài sản bảo đảm và các cơ chế kiểm soát rủi ro theo pháp luật Việt Nam dựa trên các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định về đăng ký, quản lý thị trường carbon. Bên cạnh đó, bài viết sử dụng phương pháp luật học so sánh để nghiên cứu kinh nghiệm của Liên minh châu Âu, đặc biệt là Thụy Điển, Trung Quốc và Singapore trong việc xác lập quyền, đăng ký, định giá và xử lý tín chỉ carbon khi được sử dụng làm tài sản bảo đảm. Trên cơ sở đó, tác giả sử dụng phương pháp tổng hợp và đối chiếu được sử dụng để nhận diện những điểm tương đồng, khác biệt và rủi ro pháp lý, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Khái niệm và địa vị pháp lý của tín chỉ carbon

Tín chỉ carbon hình thành cùng với các cơ chế thị trường nhằm kiểm soát và giảm phát thải khí nhà kính, gắn với một lượng giảm hoặc loại bỏ phát thải tương đương một tấn CO₂ hoặc CO₂ tương đương (tCO₂e). Pháp luật của nhiều quốc gia đã ghi nhận khả năng xác lập và giao dịch của tín chỉ carbon. Tại Việt Nam, khoản 35 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 xác định tín chỉ carbon là chứng nhận có thể giao dịch thương mại và thể hiện quyền phát thải tương ứng với một tấn CO₂ hoặc CO₂ tương đương.

Tín chỉ carbon trên thực tế đã tạo ra giá trị kinh tế và khả năng giao dịch. Thỏa thuận giữa Việt Nam và Ngân hàng Thế giới về chuyển nhượng 10,3 triệu tấn CO₂ với giá trị 51,5 triệu USD là một minh chứng.¹ Tuy nhiên, giá trị kinh tế không đồng nghĩa với việc tín chỉ carbon đương nhiên được xác định là một loại tài sản theo pháp luật dân sự. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy các quốc gia có cách tiếp cận khác nhau về việc có xem tín chỉ carbon là một loại tài sản hay không. Paraguay đã thừa nhận tín chỉ carbon là đối tượng của quyền tài sản; Australia xác định tín chỉ carbon là động sản vô hình; trong khi Trung Quốc chưa có cách tiếp cận thống nhất.² Tại Việt Nam, theo Điều 105 và Điều 115 Bộ luật Dân sự năm 2015, tín chỉ carbon không phù hợp với khái niệm vật, tiền hoặc giấy tờ có giá nhưng có nhiều đặc điểm của quyền tài sản vì có thể xác định, định giá bằng tiền, chuyển giao và tạo ra lợi ích kinh tế. Do đó, tín chỉ carbon có thể được xem là một quyền tài sản, qua đó làm tiền đề đánh giá khả năng sử dụng tín chỉ carbon làm tài sản bảo đảm.

3.2. Khả năng sử dụng tín chỉ carbon làm tài sản đảm bảo

Theo Điều 295 Bộ luật Dân sự năm 2015, tài sản bảo đảm phải thuộc quyền sở hữu của bên bảo đảm, trừ

trường hợp cầm giữ tài sản, bảo lưu quyền sở hữu. Tài sản bảo đảm có thể được mô tả chung nhưng phải xác định được; đồng thời có thể là tài sản hiện có hoặc tài sản hình thành trong tương lai. Quy định này đặt ra những yêu cầu pháp lý cơ bản đối với một tài sản khi được sử dụng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Trước hết, tín chỉ carbon được xem là tài sản theo các phân tích mà tác giả đã làm rõ tại Mục 2.1. Như vậy, để tín chỉ carbon có thể sử dụng để đảm bảo tại các tổ chức tín dụng thì cần phải đáp ứng các điều kiện tại Điều 295 Bộ luật Dân sự 2015, bao gồm: (i) tín chỉ carbon phải thuộc quyền của bên bảo đảm; (ii) phải xác định được; (iii) tín chỉ phải có giá trị và có thể định giá; và (iv) tín chỉ phải có khả năng chuyển nhượng và xử lý khi nghĩa vụ được bảo đảm không được thực hiện.

(i) Tín chỉ carbon phải thuộc quyền của bên bảo đảm

Đối với tín chỉ carbon, quyền của bên bảo đảm cần được xác định thông qua hệ thống đăng ký tín chỉ carbon. Thông tin đăng ký tín chỉ carbon đóng vai trò là căn cứ để xác định ai là chủ thể có quyền đối với tín chỉ tại thời điểm giao dịch.³ Việc ghi nhận chủ thể có quyền trong hệ thống đăng ký không chỉ giúp ngân hàng kiểm tra tính hợp pháp của tài sản trước khi cấp tín dụng mà còn hạn chế rủi ro khi phát sinh tranh chấp về quyền sở hữu hoặc trường hợp một tín chỉ bị chuyển nhượng hay dùng để bảo đảm cho nhiều nghĩa vụ khác nhau.⁴

(ii) Tín chỉ carbon phải xác định được

Theo Điều 295 Bộ luật Dân sự năm 2015, tài sản bảo đảm có thể được mô tả chung nhưng phải xác định được. Đối với tín chỉ carbon, ngoài việc xác định số lượng theo khoản 35 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cần xác định tài khoản đăng ký, mã định danh, chủ thể nắm giữ và tình trạng pháp lý của tín chỉ để bảo đảm khả năng nhận diện tài sản, quyền của bên nhận bảo đảm và thứ tự ưu tiên giữa các chủ nợ.⁵ Kinh nghiệm từ Liên minh châu Âu cho thấy, hệ thống đăng ký có vai trò quan trọng trong việc xác định chủ sở hữu, theo dõi giao dịch và hạn chế gian lận, xung đột quyền đối với đơn vị phát thải.⁶

(iii) Tín chỉ carbon phải có giá trị và có khả năng định giá

Đối với tín chỉ carbon, giá trị kinh tế xuất phát từ khả năng chuyển nhượng trên thị trường carbon. Thực tiễn Việt Nam, với giao dịch 10,3 triệu tấn CO₂ trị giá 51,5 triệu USD, cho thấy tín chỉ carbon có giá trị thương mại đáng kể. Tuy nhiên, để sử dụng làm tài sản bảo đảm, giá trị này phải có thể xác định và kiểm soát được, trong khi giá tín chỉ phụ thuộc vào nguồn gốc dự án, tiêu chuẩn chứng nhận, chất lượng, khả năng chuyển nhượng, thanh khoản và cung - cầu thị trường.⁷ Do giá tín chỉ có thể biến động đáng kể, tổ chức tín dụng cần áp dụng cơ chế định giá phù hợp và định giá lại định kỳ, thay vì chỉ dựa vào giá tại thời điểm nhận bảo đảm.⁸

(iv) Tín chỉ carbon phải có khả năng chuyển nhượng và xử lý

Khả năng chuyển nhượng của tín chỉ carbon phụ thuộc vào tình trạng pháp lý của từng tín chỉ. Theo khoản 35 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường 2020, tín chỉ carbon là chứng nhận có thể giao dịch thương mại. Tuy nhiên, trước khi nhận bảo đảm, ngân hàng cần xác định tín chỉ đã được cấp hợp pháp, được ghi nhận trong hệ thống đăng ký, thuộc quyền định đoạt của bên bảo đảm và không bị hạn chế chuyển giao. Nghị định 119/2025/NĐ-CP đã bổ sung Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải và tín chỉ carbon, tạo cơ sở để kiểm tra các thông tin này.

Mặc dù vậy, việc sử dụng tín chỉ carbon làm tài sản bảo đảm vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Qua phân tích các điều kiện nêu trên, có thể xác định 4 nhóm rủi ro chính, gồm: (i) xác định quyền đối với tín chỉ; (ii) xác định tài sản bảo đảm; (iii) định giá tín chỉ; và (iv) xử lý tín chỉ khi phát sinh nợ quá hạn.

3.3. Kiểm soát rủi ro khi nhận tài sản đảm bảo là tín chỉ carbon theo pháp luật một số quốc gia

3.3.1. Kinh nghiệm của Liên minh Châu Âu - Pháp luật Thụy Điển

Liên minh châu Âu (EU) là một trong những khu vực có thị trường carbon phát triển sớm và hoàn thiện nhất thế giới thông qua Hệ thống giao dịch hạn ngạch phát thải (EU Emissions Trading System - EU ETS). Hệ thống này được thiết lập theo Chỉ thị 2003/87/EC và tiếp tục được sửa đổi, hoàn thiện bởi Chỉ thị 2023/959/EU nhằm tăng cường hiệu quả quản lý thị trường và mở rộng phạm vi điều chỉnh.⁹ Bên cạnh

đó, Quy định về lạm dụng thị trường (Market Abuse Regulation - MAR) và Chỉ thị MiFID II cũng đưa hạn ngạch phát thải vào phạm vi điều chỉnh của pháp luật về thị trường tài chính, qua đó thiết lập cơ chế giám sát chặt chẽ đối với các giao dịch liên quan đến loại tài sản này.¹⁰ Trong khuôn khổ EU ETS, các quốc gia thành viên vẫn có quyền quy định về quyền sở hữu và giao dịch bảo đảm theo pháp luật quốc gia. Trong đó, Thụy Điển là trường hợp tiêu biểu khi đã kết hợp cơ chế quản lý thống nhất của EU với hệ thống pháp luật trong nước để kiểm soát rủi ro đối với giao dịch bảo đảm bằng hạn ngạch phát thải.

Theo pháp luật Thụy Điển, tín chỉ carbon được coi là động sản vô hình và có thể được dùng để xác lập quyền thế chấp.¹¹ Tuy nhiên, để quyền của bên nhận bảo đảm được bảo vệ đầy đủ, việc ký kết hợp đồng thế chấp là chưa đủ mà còn phải thực hiện các thủ tục cần thiết trong hệ thống đăng ký giao dịch của EU (European Union Transaction Log - EUTL).¹² Quy định này giúp hạn chế rủi ro về xác định quyền đối với tài sản, bởi quyền của bên nhận bảo đảm được ghi nhận trên hệ thống đăng ký và có thể được các bên thứ ba nhận biết. Theo đánh giá của Ranson, việc kiểm soát tài khoản chứa EUAs trong hệ thống đăng ký là yếu tố quan trọng để bảo đảm hiệu lực của giao dịch thế chấp và giảm nguy cơ phát sinh tranh chấp khi bên thế chấp mất khả năng thanh toán.¹³

Bên cạnh đó, Chỉ thị về Thỏa thuận tài sản bảo đảm tài chính (Financial Collateral Directive - FCD) của Thụy Điển còn góp phần giảm rủi ro trong giai đoạn xử lý tài sản. Theo quy định của FCD đối với các chủ thể thuộc phạm vi áp dụng, thủ tục xác lập và thực hiện quyền bảo đảm được đơn giản hóa, đồng thời cho phép áp dụng cơ chế bù trừ khi chấm dứt hợp đồng và hạn chế việc vô hiệu hóa giao dịch bảo đảm khi bên bảo đảm mất khả năng thanh toán.¹⁴

3.3.2. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Trung Quốc là một trong những quốc gia có thị trường carbon phát triển nhanh nhất thế giới, với Hệ thống giao dịch phát thải quốc gia (National Emissions Trading System - China ETS) chính thức vận hành từ ngày 1/2/2021 dưới sự quản lý của Bộ Sinh thái và Môi trường (Ministry of Ecology and Environment - MEE).¹⁵ Hệ thống này hiện tập trung vào lĩnh vực phát điện và quản lý lượng phát thải thuộc nhóm lớn nhất thế giới. Theo Measures for the Administration of Carbon Emissions Trading, hạn ngạch phát thải được phân bổ, quản lý và giao dịch thông qua hệ thống đăng ký quốc gia do MEE quản lý.¹⁶ Trong khi đó, Điều 115 Bộ luật Dân sự Trung Quốc năm 2020 quy định quyền tài sản phải gắn với một đối tượng tài sản có thể xác định được nhưng không quy định trực tiếp rằng tín chỉ carbon là đối tượng của giao dịch bảo đảm.¹⁷ Theo nhận xét của Wang và Zhang, khoảng trống này khiến việc xác lập quyền bảo đảm đối với tín chỉ carbon không thể chỉ dựa vào quy định chung của Bộ luật Dân sự mà phải gắn với cơ chế quản lý và đăng ký của thị trường carbon.¹⁸

Thực tiễn tại tỉnh Quảng Đông cho thấy, Trung Quốc đã hình thành cơ chế kiểm soát rủi ro thông qua hệ thống đăng ký thay vì chờ đợi một quy định thống nhất ở cấp quốc gia. Theo Carbon Asset Pledge Financing Guidelines năm 2014, khi tín chỉ carbon được sử dụng làm tài sản bảo đảm, cơ quan quản lý và sàn giao dịch thực hiện việc ghi nhận tình trạng cầm cố, thế chấp trong hệ thống đăng ký, đồng thời áp dụng biện pháp khóa hoặc hạn chế giao dịch đối với tài khoản của bên thế chấp trong thời gian quyền bảo đảm còn hiệu lực.¹⁹ Cơ chế này giúp giảm nguy cơ bên bảo đảm chuyển nhượng cùng một hạn ngạch cho nhiều chủ thể, đồng thời tạo điều kiện để bên nhận bảo đảm kiểm soát tình trạng pháp lý của tài sản trong suốt thời gian khoản vay.

3.3.3. Kinh nghiệm của Singapore

Singapore lựa chọn cách tiếp cận khác với Liên minh châu Âu và Trung Quốc trong việc kiểm soát rủi ro đối với giao dịch bảo đảm bằng tín chỉ carbon. Thay vì xây dựng một thị trường carbon tuân thủ theo mô hình EU ETS, Singapore tập trung phát triển thị trường tín chỉ carbon tự nguyện và định hướng trở thành trung tâm tài chính xanh của khu vực. Chính sách này được thúc đẩy thông qua các chương trình tài chính xanh của Monetary Authority of Singapore (MAS) và việc phát triển hạ tầng giao dịch của Climate Impact X (CIX) nhằm tạo điều kiện cho việc giao dịch các tín chỉ carbon theo tiêu chuẩn quốc tế.²⁰ Tại Singapore, pháp luật không xây dựng một đạo luật riêng điều chỉnh việc thế chấp tín chỉ carbon mà kiểm

soát rủi ro dựa trên các nguyên tắc chung của pháp luật tài sản. Trong vụ CLM và CLN, Tòa án cấp cao Singapore thừa nhận rằng một loại tài sản kỹ thuật số có thể được coi là tài sản và có khả năng trở thành đối tượng của các biện pháp đảm bảo tín dụng.²¹ Quan điểm này tiếp nối cách tiếp cận trong vụ B2C2 Ltd và Quoine Pte Ltd, qua đó mở rộng khả năng áp dụng các nguyên tắc của luật tài sản đối với những tài sản vô hình được ghi nhận trên hệ thống điện tử.²²

Về vấn đề kiểm soát rủi ro khi nhận tài sản đảm bảo là tín chỉ carbon, Singapore đặc biệt chú trọng đến việc xác định quyền đối với tín chỉ carbon thông qua hệ thống đăng ký của các tổ chức phát hành thay vì xây dựng một hệ thống đăng ký tập trung của Nhà nước. Vì vậy, trước khi chấp nhận tín chỉ làm tài sản bảo đảm, bên cho vay cần kiểm tra thông tin về chủ thể nắm giữ tín chỉ, tình trạng chuyển nhượng và các hạn chế đối với tín chỉ trên chính hệ thống đăng ký tương ứng. Ngoài ra, Singapore cũng kiểm soát rủi ro bằng cách trao quyền chủ động cho các bên trong việc thiết kế cơ chế kiểm soát tài sản. Trên thực tiễn, thay vì dựa hoàn toàn vào quy định của pháp luật chuyên ngành, các bên thường thiết lập thỏa thuận kiểm soát với đơn vị vận hành hệ thống đăng ký hoặc áp dụng các biện pháp bảo đảm theo pháp luật dân sự và pháp luật doanh nghiệp hiện hành.²³

4. Một số kiến nghị cho Việt Nam

Thứ nhất, xác định địa vị pháp lý của tín chỉ carbon.

Việt Nam cần xác định tín chỉ carbon là quyền tài sản có thể trở thành đối tượng của giao dịch bảo đảm khi đáp ứng điều kiện luật định, đồng thời làm rõ quyền của chủ thể đối với tín chỉ. Có thể tham khảo cách tiếp cận của Singapore về tài sản vô hình và tài sản kỹ thuật số, kết hợp với cơ chế ghi nhận quyền trên hệ thống đăng ký quốc gia.

Thứ hai, hoàn thiện cơ chế đăng ký giao dịch bảo đảm.

Việt Nam cần bổ sung chức năng đăng ký giao dịch bảo đảm vào Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải và tín chỉ carbon, ghi nhận chủ thể có quyền, số lượng tín chỉ, thời điểm xác lập và tình trạng quyền bảo đảm. Đồng thời, cần quy định rõ hiệu lực đối kháng và thứ tự ưu tiên giữa các chủ nợ.

Thứ ba, hoàn thiện cơ chế định giá tín chỉ carbon.

Việt Nam cần xây dựng tiêu chí định giá dựa trên giá thị trường, chất lượng tín chỉ, nguồn gốc dự án, khả năng chuyển nhượng và tính thanh khoản, đồng thời áp dụng cơ chế định giá lại định kỳ khi giá trị tín chỉ biến động đáng kể.

Thứ tư, hoàn thiện cơ chế xử lý tín chỉ carbon.

Việt Nam cần quy định rõ việc ghi nhận quyền của bên nhận bảo đảm, hạn chế chuyển nhượng, chuyển quyền khi xử lý và phương thức xử lý thông qua thị trường carbon. Cơ chế này cần được tích hợp với hệ thống đăng ký quốc gia, đồng thời bảo đảm hiệu lực đối kháng và thứ tự ưu tiên giữa các chủ nợ.

Thứ năm, hoàn thiện cơ chế quản lý và giám sát tín chỉ carbon.

Cần xây dựng cơ chế quản lý thống nhất đối với tín chỉ carbon, bao gồm đăng ký, theo dõi, chuyển nhượng và giám sát giao dịch, nhằm bảo đảm tính minh bạch và khả năng xác định quyền sở hữu. Đồng thời, cần tăng cường kiểm soát chất lượng tín chỉ và nghĩa vụ báo cáo của các chủ thể tham gia thị trường, qua đó hạn chế rủi ro và tạo cơ sở cho việc sử dụng tín chỉ carbon làm tài sản bảo đảm.

5. Kết luận

Việc sử dụng tín chỉ carbon làm tài sản bảo đảm có tiềm năng mở ra kênh tiếp cận vốn mới cho doanh nghiệp, nhưng tính khả thi phụ thuộc vào mức độ hoàn thiện của cơ chế xác lập quyền, đăng ký, định giá và xử lý tài sản. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy cần xây dựng cơ chế quản lý và kiểm soát rủi ro phù hợp với đặc thù của tín chỉ carbon. Đối với Việt Nam, bên cạnh nền tảng pháp lý về thị trường carbon, cần tiếp tục làm rõ địa vị pháp lý của tín chỉ carbon, cơ chế đăng ký quyền bảo đảm, định giá và xử lý tài sản. Đây là cơ sở để khai thác giá trị kinh tế của tín chỉ carbon, thúc đẩy tín dụng xanh và hỗ trợ huy động vốn cho doanh nghiệp ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹World Bank (2024), Viet Nam Receives US\$51.5 Million World Bank Payment for Reducing Emissions Through Forest Preservation, 21/3/2024, truy cập tại: <https://www.worldbank.org/en/news/press-release/2024/03/21/viet-nam-receives-us-51-5-million-world-bank-payment-for-reducing-emissions-through-forest-preservation> (truy cập ngày 28/9/2026).

²UNIDROIT (2024), Legal Nature of Voluntary Carbon Credits, UNIDROIT C.D. (103) 11, đoạn 46; Australia (2011), Carbon Credits (Carbon Farming Initiative) Act 2011 (Cth); Tang K (2026), “The Legal Landscape of Carbon Credit Secured Financing in China: Comparative Insights into the Verified Carbon Standard and the China Certified Emission Reduction Mechanism”, *Environmental Law Review*, 28(2).

³Padis GM (2011), Carbon Credits as Collateral, *Journal of Technology Law & Policy*, 16(2), tr. 363–365.

⁴Margit Livingston, ‘A Rose by Any Other Name Would Smell as Sweet (or Would It?): Filing and Searching in Article 9’s Public Records’ (2007) *Brigham Young University Law Review* 111, 113–118

⁵Ranson A (2022), Legal Issues in Carbon Credit Collateralisation, *Journal of International Banking Law & Regulation*, 37(2), tr. 83–85.

⁶European Court of Auditors (2015), Special Report No. 6/2015: The Integrity and Implementation of the EU ETS, Luxembourg, đoạn 35–42.

⁷Hà Lê Thủy và Lâm Tố Trang (2025), Tín chỉ carbon dưới góc độ tài sản, quyền sở hữu và vấn đề pháp lý đặt ra đối với tín chỉ carbon trong bối cảnh phát triển bền vững, *Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam*.

⁸Demiralay S, Gencer HG và Bayraci S (2022), Carbon Credit Futures as an Emerging Asset: Hedging, Diversification and Downside Risks, *Energy Economics*, 113, 106196.

⁹European Parliament và Council (2003), Directive 2003/87/EC of 13 October 2003 Establishing a Scheme for Greenhouse Gas Emission Allowance Trading within the Community, *Official Journal L* 275, ngày 25/10/2003; European Parliament và Council (2023), Directive (EU) 2023/959 Amending Directive 2003/87/EC, *Official Journal L* 130, ngày 16/5/2023.

¹⁰European Parliament và Council (2014), Regulation (EU) No. 596/2014 on Market Abuse (Market Abuse Regulation), *Official Journal L* 173, Điều 2(1)(b); European Parliament và Council (2014), Directive 2014/65/EU on Markets in Financial Instruments (MiFID II), *Official Journal L* 173, Phụ lục I, Mục C(11).

¹¹Thụy Điển (2004), Lag (2004:1199) om handel med utsläppsrätter (Luật Thụy Điển về giao dịch hạn ngạch phát thải), Chương 3, Điều 3 và Điều 5.

¹²Thụy Điển (2004), Lag (2004:1199) om handel med utsläppsrätter, Chương 4, Điều 1; European Commission (2019), Commission Delegated Regulation (EU) 2019/1122 Supplementing Directive 2003/87/EC as Regards the Functioning of the Union Registry, *Official Journal L* 177; Ranson A (2022), Legal Issues in Carbon Credit Collateralisation, *Journal of International Banking Law & Regulation*, 37(2), tr. 83–85.

¹³Ranson A (2022), Legal Issues in Carbon Credit Collateralisation, *Journal of International Banking Law & Regulation*, 37(2), tr. 83–85.

¹⁴European Parliament và Council (2002), Directive 2002/47/EC on Financial Collateral Arrangements, *Official Journal L* 168, Điều 4 và Điều 7; European Parliament và Council (2009), Directive 2009/44/EC Amending Directive 2002/47/EC on Financial Collateral Arrangements, *Official Journal L* 146; Thụy Điển (2005), Lag (2005:1042) om finansiella säkerheter (Luật Thụy Điển về tài sản bảo đảm tài chính).

¹⁵Ministry of Ecology and Environment of China (2021), Measures for the Administration of Carbon Emissions Trading (Trial), có hiệu lực từ ngày 01/02/2021.

¹⁶Ministry of Ecology and Environment of China (2021), Measures for the Administration of Carbon Emissions Trading (Trial), Điều 2, Điều 4 và Điều 5

¹⁷Trung Quốc (2020), Civil Code of the People’s Republic of China, Điều 115.

¹⁸Wang Y và Zhang L (2023), The Legal Nature of Carbon Emission Allowances Under Chinese Law, *Tsinghua China Law Review*, số 16, tr. 58–61.

¹⁹Guangdong Emissions Exchange (2014), Carbon Asset Pledge Financing Guidelines.

²⁰Monetary Authority of Singapore (2022), Singapore Green and Sustainability-Linked Loan Grant Scheme; Climate Impact X (2023), Methodology and Standards.

²¹CLM v CLN and others (2022), SGHC 46, đoạn 40–43.

²²B2C2 Ltd v Quoine Pte Ltd (2019), SGHC(I) 03, đoạn 138–146.

²³UNIDROIT (2026), Draft Principles on the Legal Nature of Verified Carbon Credits, Section VIII: Secured Transactions, Nguyên tắc 20–24.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Hà Lê Thủy & Lâm Tổ Trang (2025), “Tín chỉ carbon dưới góc độ tài sản, quyền sở hữu và vấn đề pháp lý đặt ra đối với tín chỉ carbon trong bối cảnh phát triển bền vững”, *Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam*.

B2C2 Ltd v Quoine Pte Ltd (2019), SGHC(I) 03.

Climate Impact X (2023), Methodology and Standards.

CLM v CLN and others (2022), SGHC 46.

Demiralay, S., Gencer, H. G. & Bayraci, S. (2022), “Carbon Credit Futures as an Emerging Asset: Hedging, Diversification and Downside Risks”, *Energy Economics*, 113, 106196.

European Commission (2019), Commission Delegated Regulation (EU) 2019/1122 Supplementing Directive 2003/87/EC as Regards the Functioning of the Union Registry, *Official Journal L* 177.

European Court of Auditors (2015), Special Report No. 6/2015: The Integrity and Implementation of the EU ETS, Luxembourg.

Guangdong Emissions Exchange (2014), Carbon Asset Pledge Financing Guidelines.

Livingston, M. (2007), “A Rose by Any Other Name Would Smell as Sweet (or Would It?): Filing and Searching in Article 9’s Public Records”, *Brigham Young University Law Review*, 2007, pp. 111-118.

Monetary Authority of Singapore (2022), Singapore Green and Sustainability-Linked Loan Grant Scheme.

Padis, G. M. (2011), “Carbon Credits as Collateral”, *Journal of Technology Law & Policy*, 16(2), pp. 363-365.

Ranson, A. (2022), “Legal Issues in Carbon Credit Collateralisation”, *Journal of International Banking Law & Regulation*, 37(2), pp. 83-85.

Tang, K. (2026), “The Legal Landscape of Carbon Credit Secured Financing in China: Comparative Insights into the Verified Carbon Standard and the China Certified Emission Reduction Mechanism”, *Environmental Law Review*, 28(2), pp. 119-142.

UNIDROIT (2024), Legal Nature of Voluntary Carbon Credits, UNIDROIT C.D. (103) 11.

UNIDROIT (2026), Draft Principles on the Legal Nature of Verified Carbon Credits, Section VIII: Secured Transactions.

Wang, Y. & Zhang, L. (2023), “The Legal Nature of Carbon Emission Allowances Under Chinese Law”, *Tsinghua China Law Review*, No. 16, pp. 58-61.

World Bank (2024), “Viet Nam Receives US\$51.5 Million World Bank Payment for Reducing Emissions Through Forest Preservation”, 21 March 2024.